

“PHÚ QUÝ SINH LỄ NGHĨA”: SINH KẾ VÀ BIẾN ĐỔI VĂN HÓA CỦA NGƯỜI KHƠ-ME Ở HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

PGS.TS. Ngô Thị Phương Lan
Trưởng Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Dựa trên nghiên cứu tại huyện Trà Cú (tỉnh Trà Vinh), bài viết trình bày những động thái thay đổi trong thực hành văn hóa của người Khơ-me (Khmer) khi đời sống kinh tế của đồng bào không còn đơn thuần dựa vào hoạt động nông nghiệp mà là một bức tranh sinh kế mới đa dạng, tạo ra nguồn thu nhập cao hơn trước. Sự tăng cường nguồn tiền mặt do các hoạt động mưu sinh mang lại đã tác động đến những thực hành tôn giáo, tín ngưỡng (Phật giáo, thờ Neakta...), tổ chức các sự kiện văn hóa, lễ hội với quy mô lớn hơn và chi phí cũng nhiều hơn so với trước đây. Bản chất của động thái này là sự hòa trộn giữa tính hợp lý, lòng ngưỡng mộ tôn giáo, và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của các cá nhân.

Từ khóa: Phú quý sinh lễ nghĩa, người Khơ-me, sinh kế, biến đổi văn hóa.

Ngày nhận bài: 4/2/2020; ngày gửi phản biện: 28/2/2020; ngày duyệt đăng: 17/4/2020

Giới thiệu

Khơ-me là tộc người có đời sống văn hóa gắn liền với Phật giáo Nam tông. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về tính độc đáo của tộc người này trên các khía cạnh kinh tế, văn hóa và xã hội, trong đó có những công trình nghiên cứu về động thái biến chuyển đời sống kinh tế của người Khơ-me dưới tác động của các yếu tố chính sách phát triển. Nghiên cứu của chúng tôi tập trung tìm hiểu mối quan hệ giữa biến đổi kinh tế và đời sống văn hóa của đồng bào. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến biến đổi văn hóa. Theo lý thuyết duy vật văn hóa (cultural materialism), kinh tế (cụ thể là sinh kế) là yếu tố quan trọng của biến đổi văn hóa; song biến đổi văn hóa của một tộc người không hoàn toàn là hệ quả trực tiếp sự biến đổi kinh tế, có thể do nhiều yếu tố tác động cộng hưởng với nhau. Trong quá trình khảo sát, chúng tôi nhận diện đa chiều, xem xét các biến đổi văn hóa như hệ quả của sự thay đổi sinh kế từ góc độ người trong cuộc. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, với sự gia tăng về thu nhập, đặc biệt là sự xuất hiện của dòng tiền mặt có được từ đa dạng sinh kế, các thực hành văn hóa của người Khơ-me đã biến đổi theo chiều hướng tăng về quy mô và chi phí. Bản chất của động thái này là sự hòa trộn giữa tính hợp lý, lòng ngưỡng mộ và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của các cá nhân.

Để có dữ liệu nghiên cứu, bên cạnh các nguồn tài liệu thứ cấp, chúng tôi thực hiện điền dã tại cộng đồng và sử dụng các công cụ chính là phỏng vấn sâu và quan sát tham dự tại bốn xã của huyện Trà Cú (Ngọc Biên, Tân Hiệp, Long Hiệp và Đại An), tỉnh Trà Vinh. Cuộc khảo sát được tiến hành từ tháng 6 đến tháng 7 năm 2016 và các đợt bổ sung dữ liệu trong năm 2017. Ngoài các cộng đồng được khảo sát, chúng tôi còn sử dụng phương pháp nghiên cứu đa điểm (multi-sites) với những nhóm người Khơ-me ở huyện Trà Cú di chuyển đến Thành phố Hồ Chí Minh hay tỉnh Bình Dương để mưu sinh.

1. Biến đổi sinh kế của người Khơ-me tại huyện Trà Cú

Trà Cú là nơi tập trung đông người Khơ-me của tỉnh Trà Vinh (chiếm 67% toàn huyện, năm 2015). Đây là huyện vùng xa, cư dân sinh sống chủ yếu bằng nông nghiệp, trong đó lúa và bắp là các cây trồng chiếm nhiều diện tích canh tác. Ngọc Biên, Tân Hiệp và Long Hiệp nằm trong nhóm các xã sản xuất lúa điển hình; Ngọc Biên và Long Hiệp còn thuộc các xã trồng bắp nhiều của huyện. Ngoài lúa và bắp, người dân còn trồng khoai lang, khoai môn, khoai mì; các loại rau, đậu (đậu phộng, đậu xanh, đậu đen); các loại cây công nghiệp như mía, dừa, điều; các loại cây ăn quả nổi bật với cam, quýt, chanh, bưởi, xoài, nhãn, chuối và một số cây khác.

Tận dụng các mảnh đất nông nghiệp không thuận lợi cho trồng trọt, người dân chăn nuôi nhiều loại gia súc, nhất là bò và heo; trâu không được nuôi nhiều như trước vì không còn là sức kéo (do khâu làm đất đã được cơ giới hóa mạnh mẽ), chủ yếu nuôi để lấy thịt. Bò và heo được nuôi đều ở tất cả các xã và thị trấn, với số đầu con lên đến hơn 33.000 mỗi loại; trong đó Ngọc Biên là xã nuôi nhiều bò nhất huyện với 3.229 con. Để có thêm nguồn thực phẩm và góp phần tăng thu nhập cho gia đình, người Khơ-me nuôi thêm gà, chủ yếu thả trong vườn nhà. Do cư trú trên các gò cao, thường bị thiếu nước nên người Khơ-me không nuôi vịt - loại gia cầm cần nhiều nước. Trong bốn xã khảo sát, Đại An là xã có diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản thuộc loại khá trong huyện, được người dân tận dụng để nuôi tôm, cua và cá nước lợ. Người dân ở thị trấn Định An còn cải tạo ao và nguồn nước để nuôi cá lóc.

Tuy nông nghiệp hiện vẫn là ngành nghề chính của đa số người Khơ-me, song kinh tế của đồng bào đang có những bước chuyển lớn trong bối cảnh phát triển kinh tế chung của Việt Nam. Thị trường đã tạo điều kiện cho các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, thủ công nghiệp của người Khơ-me trở nên phong phú và đa dạng hơn; từ đó đặt ra yêu cầu phải mở rộng sản xuất, đầu tư vốn, ứng dụng khoa học công nghệ và tham gia chuỗi giá trị sản xuất. Hiện nay, người Khơ-me không dừng lại ở việc sản xuất để đáp ứng nhu cầu lương thực và đồ dùng cho riêng gia đình, họ hàng, thân tộc, mà đã chú ý đến nhu cầu của thị trường. Người tiêu dùng đã biết nhiều đến các sản phẩm do người Khơ-me tạo ra. Thêm vào đó, nhu cầu tiêu dùng lớn của thị trường cũng mở ra cơ hội để người Khơ-me mở rộng phạm vi mua bán, trao đổi các sản phẩm nông nghiệp, thủ công nghiệp vượt qua giới hạn của sự tiêu thụ

hạn hẹp trước đây. Tính cạnh tranh của thị trường hàng hóa góp phần quan trọng trong thay đổi cách thức sản xuất của người nông dân người Khor-me. Sự gia tăng từ một vụ lúa trước đây thành ba vụ và các giống lúa đa dạng khác nhau hiện nay góp phần mở rộng hoạt động trồng trọt của họ trong suốt một năm; làm giảm bớt thời gian nông nhàn và giúp đồng bào nâng cao thu nhập từ việc trồng lúa.

Sinh kế truyền thống trước đây của người Khor-me vùng đồng bằng sông Cửu Long gắn liền với hoạt động sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm trong phạm vi phum sóc. Hiện nay, dưới tác động của kinh tế thị trường cũng như những khó khăn phát sinh trong cuộc sống ở nông thôn đã làm cho người Khor-me chấp nhận đi ra khỏi phạm vi không gian văn hóa truyền thống của cộng đồng nhằm tìm kiếm những phương thức sinh kế mới tại các vùng đô thị; trong khi một số người năng động trước bối cảnh xã hội, họ tự tạo ra những loại hình sinh kế mới một cách linh hoạt ngay tại địa phương mà họ đang sinh sống.

Bên cạnh đó, sự nổi lên mạnh mẽ những ngành công nghiệp tại Việt Nam cùng sự xuất hiện các cơ sở sản xuất công nghiệp tại địa phương đã dẫn đến những thay đổi lớn trong các hoạt động kinh tế của người Khor-me (Phạm Văn Sơn, 2014; Huỳnh Thị Hồng Nương, 2011). Sự phát triển của các ngành công nghiệp đã tạo ra một thị trường việc làm đa dạng, khiến nhiều người Khor-me tham gia vào thị trường lao động này tại những thành phố và tỉnh thành lớn để tránh tình trạng thất nghiệp. Ngay tại huyện Trà Cú, hai nhà máy sản xuất giấy đa Mỹ Phong và Phước Hưng đã thu hút rất nhiều lao động nữ làm công nhân. Trở thành công nhân làm công ăn lương là một trong những hướng phát triển kinh tế của người Khor-me hiện nay.

2. Tăng trưởng kinh tế - nền tảng cho sự gia tăng các thực hành văn hóa

Kinh tế tuy còn nhiều khó khăn song nhìn chung, đời sống của người Khor-me hiện nay đã có những cải thiện đáng kể. Biểu hiện rõ nhất là sự đa dạng nguồn thu nhập tạo ra bằng tiền mặt ngày càng nhiều hơn so với trước. Điều này cho phép người Khor-me có thể thỏa mãn các nhu cầu của cuộc sống hiện đại về tiện nghi sinh hoạt và chăm sóc đời sống ngày càng tốt hơn, đặc biệt về giáo dục và y tế; tạo khả năng đầu tư cho các thực hành văn hóa vốn dĩ gắn với đời sống Phật giáo Nam tông Khor-me ngày càng thiết thực và phát triển về quy mô. Điều đó thể hiện rõ qua thực hành Phật giáo, tín ngưỡng thờ Neakta, các lễ hội và hưởng thức âm nhạc.

Mặc dù Phật giáo Nam tông chi phối lớn đến đời sống tinh thần của người Khor-me Nam Bộ nhưng việc đi viếng chùa cũng có nhiều biến đổi, vì nó phụ thuộc vào công việc mưu sinh và thời gian thu xếp của các hộ gia đình. Nghi thức cúng dường cho chư tăng bằng tiền (tịnh tài) và các loại hình phẩm vật ngày càng có chiều hướng gia tăng, khi những người thanh niên Khor-me không đến chùa thường xuyên. Đã xuất hiện xu hướng phân công lao động và phân công trách nhiệm tôn giáo bằng việc đi viếng chùa trong nhiều gia đình: người

trẻ tuổi lo đi làm việc để có chi phí, người già thay mặt cho gia đình mang phẩm vật đến chùa cúng dường. Có thể nói trong giai đoạn hiện nay các loại hình sinh kế vẫn đang tác động rất lớn đến hoạt động tôn giáo của người Khơ-me. Tuy nhiên, người Khơ-me vẫn quan niệm rằng, những thành công đạt được trong công việc và niềm an vui trong cuộc sống chính là kết quả hồi báo từ những việc làm tốt đẹp của con người đối với tôn giáo và cộng đồng. Do vậy, nghi lễ đi chùa cúng dường, cầu an, cầu siêu vẫn được xem như là trách nhiệm và bổn phận của mỗi người Khơ-me, nhất là những gia đình gặp cảnh sống nghèo khổ trong quá khứ nhưng hiện nay lại đang phát đạt trong làm ăn. Việc đóng góp xây dựng chùa chiền phụ thuộc rất lớn vào hiệu quả kinh tế của mỗi gia đình. Ông Trần Sơn Thái (sinh năm 1956), Trưởng khóm VI cho biết, trên địa bàn khóm có một chùa Nam tông Khơ-me (chùa Sêray Potchum Cumpy Sakô hay còn gọi là chùa Định An). Trong những năm gần đây, người Khơ-me có nhiều điều kiện để phát triển kinh tế nên đã cúng những khoản tiền đóng góp rất lớn cho chùa. Cụ thể vào năm 2015, chùa xây dựng lại nhiều hạng mục kiến trúc, các hộ có điều kiện kinh tế tốt đóng góp từ 5 triệu đến trên 20 triệu đồng, gia đình ông đóng góp 23 triệu, gia đình anh Tăng Văn Sóc góp 20 triệu¹.

Ngoài việc phân công lao động và tăng cường đóng góp cho các thực hành Phật giáo, còn có sự gia tăng nghi lễ thờ cúng Neakta. Các ngôi miếu thờ Neakta truyền thống của người Khơ-me thường chọn một hòn đá to có hình dáng dễ nhìn đặt ở trung tâm tượng trưng cho ông Tà, xung quanh là những hòn đá nhỏ hơn đại diện cho binh lính hay người hầu. Ngày nay, ở một số miếu, người Khơ-me thay các hòn đá bằng tượng một cụ già tay chống gậy, tay cầm bình trà. Các sóc khó khăn về kinh tế, chưa có đủ điều kiện để dựng tượng thì vẽ hình ông Tà ngồi thiền trên vách tường. Theo bà Lâm Thị Hoa (sinh năm 1954), người trông coi ngôi miếu thờ Neakta ở ấp Tha La, xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú, người Khơ-me thường thể hiện phổ biến hình tượng ông Tà theo hai biểu hiện chính là ông Tà đi thăm sóc và ông Tà ngồi thiền².

Trong quan niệm của người Khơ-me ở huyện Trà Cú, hình tượng ông Tà đi thăm sóc mang ý nghĩa là vị thần đi tìm hiểu cuộc sống, công việc làm ăn của bà con để dạy bảo và giúp đỡ cho họ. Ông Tà ngồi thiền mang ý nghĩa là vị tu sĩ Phật giáo hành thiền, giữ giới hộ trì cho ngôi chùa và ban phước lành cho người đến viếng chùa. Đây cũng là nhận thức mới trong quan niệm về Neakta của người Khơ-me, nó vừa thể hiện ý thức bảo tồn một loại hình văn hóa dân gian, vừa thể hiện sự biến đổi thích ứng vào cuộc sống thực tiễn của cộng đồng hiện nay. Xuất phát từ nhận thức mới, người Khơ-me cho rằng, thần linh phải giữ giới tu hành nhưng cũng luôn sẵn lòng phù trợ, đáp ứng những điều mong mỏi của người dân trong cuộc sống. Cách nhìn nhận mang tính thực tiễn về tín ngưỡng thờ Neakta ở huyện Trà Cú cho thấy, có thể người Khơ-me đã chịu ảnh hưởng quan niệm về mối quan hệ giữa “đạo và đời” của chư tăng Nam tông Khơ-me, tức tôn giáo và thế tục phải song hành cùng nhau.

¹ Phỏng vấn ông Trần Sơn Thái, Trưởng Khóm VI, thị trấn Định An, huyện Trà Cú, ngày 20/08/2016.

² Phỏng vấn bà Lâm Thị Hoa ngụ tại ấp Tha La, xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú, ngày 22/08/2016.

Cũng có thể từ những tác động trong quá trình giao lưu văn hóa với các tôn giáo khác, việc quan sát địa hình của các vùng, địa phương nằm ngoài huyện Trà Cú đã dẫn đến những thay đổi lớn trong nhận thức của người Khơ-me, rằng một vị thần linh dù ẩn trong đá cũng cần phải có hình dáng cụ thể. Điều này đánh dấu tư duy nhận thức mới của người Khơ-me ở huyện Trà Cú, từ tín ngưỡng cổ truyền về Neakta vô hình chuyển sang có hình tượng cụ thể.

Lễ hội đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của người Khơ-me Nam Bộ. Bên cạnh việc gia tăng đóng góp cho tôn giáo, tăng cường nghi lễ thờ cúng Neakta, với sự phát triển kinh tế, người Khơ-me còn tổ chức các lễ hội truyền thống quy mô và trang trọng hơn. Trong số các lễ lớn diễn ra hàng năm, người Khơ-me thường tập trung tham gia bốn lễ chính là lễ mừng năm mới (Chol Chnam Thmay), lễ báo biểu tổ tiên, ông bà (Sel Dolta), lễ cúng trăng (Ok Om Bok) và lễ Dâng y (Kathina). Lễ hội truyền thống là dịp để người Khơ-me nghỉ ngơi, vui chơi, thăm viếng, tạ ơn, lễ bái và cầu nguyện những điều tốt đẹp cho cuộc sống. Tuy nhiên, nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, đã có sự khác biệt về quy mô của lễ hội ở mỗi địa phương. Điều này phụ thuộc vào hoàn cảnh kinh tế của cộng đồng xuất phát từ loại hình sinh kế mà người Khơ-me đang làm. Cụ thể, trên địa bàn huyện Trà Cú, hàng năm lễ hội cúng trăng (Ok Om Bok) được tổ chức hoành tráng nhất diễn ra tại chùa Sêray Potchum Cumpy Sakô ở thị trấn Định An. Một trong những nghi thức tạo nên không khí sinh động nhất của lễ hội cúng trăng là nghi thức thả đèn nước hay thả hoa đăng (*Loi Krathip*). Hàng năm, nhà chùa đầu tư một khoản kinh phí lớn để làm một chiếc đèn nước hình hoa sen có đường kính hơn hai mét. Kinh phí tổ chức lễ hội cúng trăng (Ok Om Bok) do người Khơ-me ở thị trấn Định An cúng dường. Trong những năm gần đây, một số hộ Khơ-me ở địa phương gặp nhiều thuận lợi trong làm ăn nên thường cúng dường những khoản tiền lớn hoặc trở thành nhà tài trợ chính cho một khâu quan trọng nào đó trong lễ hội. Có hộ sẵn sàng bao trọn gói chi phí làm đèn hoa đăng của chùa; một vài hộ khác hỗ trợ chi phí trang trí chùa, mua cốm dẹp, mua khoai môn hay trà bánh;...

Trong số những lễ hội thường niên của Phật giáo Nam tông Khơ-me, Kathina (lễ Dâng y) là lễ quan trọng nhất đối với chư tăng, đồng thời có tầm ảnh hưởng hết sức sâu rộng đối với truyền thống văn hóa của người Khơ-me Nam Bộ. Theo truyền thống, trong lễ Dâng y này, người Khơ-me dâng áo cà sa cho các sư, nhưng hiện nay những người có uy tín trong cộng đồng thường khuyến khích các phật tử Khơ-me dâng tặng tài chính cho chư tăng. Số tiền cúng dường là tùy tâm, nhưng rất thiết thực khi chư tăng cần nguồn tài chính để chi cho nhiều việc khác nhau, nhất là học tập ở các trường đại học nằm ngoài hệ thống giáo dục Phật giáo. Khảo sát của chúng tôi tại các ngôi chùa khác cho thấy, việc dâng tiền cúng dường bằng hình thức cây bông cùng với những phẩm vật khác cũng đang diễn ra phổ biến tương tự như tại chùa Sêray Potchum Cumpy Sakô ở Định An. Có thể nói, cách cúng dường của người Khơ-me theo mô hình dâng bông là một sự biến đổi văn hóa theo chiều hướng thích ứng với đời sống tu tập hiện đại của chư tăng hiện nay. Phật giáo Nam tông Khơ-me hay hệ phái Nam tông nói

chung gọi lễ Kathina là Dâng y, nhưng những người Khor-me mà chúng tôi phỏng vấn ở huyện Trà Cú đều gọi là lễ Dâng bông hay đi Dâng bông. Điều này cho thấy ảnh hưởng của hình thức dâng lễ sâu đậm đến mức đã trở thành một loại hình phong tục mới đối với người Khor-me khi đến chùa cúng dường cho chư tăng trong ngày lễ Kathina.

Trước đây khi tổ chức lễ hội cúng trăng (Ok Om Bok), người Khor-me thường huy động con cháu, người thân tổ chức già cốm dẹp làm phẩm vật dâng cúng ông bà, tổ tiên, Đức Phật và chư thiên. Cốm dẹp cũng là phẩm vật quan trọng để thực hiện nghi thức dứt cốm dẹp bắt buộc phải có trong đêm diễn ra lễ cúng trăng. Xưa kia, người Khor-me già cốm dẹp bằng phương pháp thủ công, vừa thể hiện lòng thành khi làm ra lễ vật cúng dường, vừa rèn luyện đôi tay khéo léo cho những người con gái sắp lấy chồng. Ngày nay, những người trẻ đi làm công nhân, không còn gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp nữa; người già thì bận việc đồng áng. Do có rất ít người, kể cả thanh niên nam nữ, người lớn tuổi già cốm dẹp thường xuyên, nên sản phẩm cốm dẹp làm ra không đạt chất lượng như mong muốn của thực khách. Hơn nữa, ngày nay công nghệ hiện đại được áp dụng cho các công đoạn sản xuất cốm dẹp, sản phẩm làm ra được bán đại trà tại các chợ địa phương. Vì vậy, khi sắp đến mùa lễ hội cúng trăng, người Khor-me không tổ chức già cốm dẹp như trước, mà mua cốm dẹp làm sẵn bán ngoài chợ hoặc tại các cửa hàng trong sóc.

Sự đa dạng sinh kế, đặc biệt là tham gia vào những việc làm phi nông nghiệp cũng dẫn đến sự thay đổi các hoạt động văn hóa tinh thần về thời gian tổ chức. Những người Khor-me sống bằng nông nghiệp ở địa phương có thể dễ dàng tham gia vào các lễ hội truyền thống diễn ra hàng năm. Song, những người đi làm công nhân hay làm các nghề tự do ở thành phố thì việc vui chơi của họ chỉ diễn ra vào ngày Tết Nguyên đán. Đây là dịp để công nhân làm việc ở Trà Cú nghỉ ở nhà với gia đình, những người đi làm ăn xa tranh thủ thời gian về quê nghỉ lễ. Đặc điểm sinh kế của nghề làm công nhân vô hình chung đã tạo nên một số lượng lớn những người Khor-me tập trung về các vùng thôn quê trong những ngày Tết Nguyên đán hàng năm. Điều đó làm cho thị trường hàng hóa ở các ngôi chợ địa phương như Đại An và Long Hiệp sôi động hẳn lên so với ngày bình thường. Phỏng vấn các hộ người Việt và Khor-me buôn bán tại chợ Đại An và Long Hiệp cho thấy, hoạt động kinh tế của chợ phụ thuộc nhiều vào sức mua sắm của lực lượng công nhân trong những ngày Tết Nguyên đán. Trong số những mặt hàng cần tăng cường cho thị trường ngày Tết có bia, mà ngày thường các tiểu thương ở chợ Đại An và Long Hiệp xem là bán không chạy. Đối với người Khor-me mưu sinh bằng những nghề lao động nặng nhọc, tiệc bia bị xem là tốn kém nên hiếm khi họ tổ chức, ngoại trừ những dịp họ thu nhập được nhiều tiền hoặc khi họ hoàn thành một việc quan trọng nào đó. Hàng năm với số ngày nghỉ Tết Nguyên đán và khoản tiền thường từ công ty đã cho phép những người công nhân Khor-me tổ chức bữa tiệc khoản đãi người thân và bè bạn dùng bia là thức uống chính. Việc hưởng thụ bữa tiệc cũng là cách để gia đình và khách mời công nhận thành quả lao động mệt nhọc của họ trong suốt một năm và cũng chỉ có ngày Tết Nguyên đán, công nhân Khor-me mới uống bia.

Trong những dịp hội hè gặp mặt, âm nhạc đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của người Khor-me Nam Bộ. Các ngôi chùa được xem là những trung tâm thực hiện việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản phi vật thể của cộng đồng, trong đó âm nhạc truyền thống Khor-me là một loại hình di sản quan trọng được chú ý quan tâm đáng kể. Tại những ngôi chùa lớn, người Khor-me thường đóng góp kinh phí để mua sắm ít nhất một dàn nhạc Ngũ âm và thành lập một đội nhạc công chuyên phục vụ âm nhạc cho các lễ hội truyền thống và nghi lễ vòng đời. Tuy nhiên, điều kiện kinh tế và sự tác động của thị trường âm nhạc đã ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức âm nhạc, cũng làm biến đổi hình thức biểu diễn và cách thưởng thức âm nhạc của người Khor-me hiện nay. Việc tổ chức đám tiệc cùng với âm nhạc đi kèm đang trở thành một trào lưu không thể thiếu trong cuộc sống tinh thần của giới trẻ Khor-me ở huyện Trà Cú hiện nay.

Khi kinh tế gia đình phát triển, số lượng người Khor-me tổ chức các tiệc vui ngày càng tăng lên. Sinh kế của một số hộ Khor-me gặp nhiều thuận lợi, nguồn thu nhập hàng năm được nâng cao đã cho phép họ tổ chức thêm nhiều loại hình tiệc tùng mà những thế hệ ông bà họ trước đây hiếm khi tổ chức. Những loại hình tiệc mừng sự kiện gia đình bắt đầu phổ biến trong các gia đình người Khor-me thành đạt về kinh tế như tiệc mừng tân gia, mừng sinh nhật và liên hoan cuối năm, được tổ chức tại nhà. Điều này cho thấy, cho dù ảnh hưởng bởi những yếu tố văn hóa mới nhưng người Khor-me vẫn thể hiện trong phạm vi không gian văn hóa truyền thống của cộng đồng.

Sự đam mê ca hát của người Khor-me làm cho loại hình nhạc sống trở thành một trào lưu văn nghệ thịnh hành nhất hiện nay trong các phum sóc Khor-me. Việc tổ chức ca hát không còn giới hạn tại các bữa tiệc vui của gia đình, mà đã được mở rộng vào những ngôi chùa Phật giáo Nam tông. Những dịp diễn ra các lễ hội truyền thống, tại một số ngôi chùa Khor-me nơi đây, chú tăng tổ chức cho dân sóc vui chơi bằng cả hai loại hình âm nhạc, nhạc Ngũ âm và nhạc sống. Việc tổ chức nhạc sống trong chùa vào các dịp lễ hội bắt đầu diễn ra trong khoảng thời gian cách đây 10 năm; do các chú tăng thấy người Khor-me ngày càng đam mê ca hát và một số người có tư duy kinh doanh đã đầu tư dàn nhạc để cho thuê. Họ đã đưa thêm tân nhạc vào nhà chùa phục vụ người dân trong sóc. Với quan niệm thực tiễn là hội phải vui, càng vui thì càng thành công, do đó khi nhà chùa đứng ra tổ chức hội, chú tăng luôn chú ý đến thị hiếu văn nghệ của người dân; khi thấy loại hình nghệ thuật nào người dân trong sóc yêu thích thì chú tăng đưa ngay vào, tân hay cổ không quan trọng, miễn làm sao loại hình nghệ thuật đó được đánh giá là lành mạnh.

Kết luận

Trên cơ sở phát triển kinh tế gắn với đa dạng sinh kế, người Khor-me đã có những cải thiện về đời sống vật chất. Sự xuất hiện của dòng tiền trong thu nhập đã khiến cho đồng bào có điều kiện để gia tăng các hoạt động lễ hội về quy mô và chi phí để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của cá nhân và cộng đồng. Theo đó, người Khor-me đã đóng góp nhiều

hơn cho các hoạt động ở các chùa - trung tâm văn hóa tôn giáo của cộng đồng Khor-me; thay đổi cách thức thờ cúng và quy mô tổ chức tín ngưỡng thờ Neakta theo hướng hình tượng hóa đối tượng thờ cúng, xây dựng các miếu thờ khang trang hơn, tổ chức các buổi cúng trang trọng hơn; các lễ hội truyền thống được tổ chức quy mô và trang trọng hơn. Đáng chú ý là có sự “tiền tệ hóa” và chuyên môn hóa các hình thức sắm sửa lễ vật dâng cúng. Các hình thức thương thức âm nhạc hiện đại và sự xuất hiện của những hình thức tổ chức vui chơi, hợp mặt mới cũng xuất hiện trong cộng đồng người Khor-me như là kết quả của sự giao lưu văn hóa để đáp ứng nhu cầu của các cá nhân và sự phù hợp với việc hội nhập vào sự phát triển chung của đất nước.

Tài liệu tham khảo

1. Ngô Thị Phương Lan (2013), “Bất ổn sinh kế và di cư lao động của người Khor-me ở Đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 11-21.
2. Ngô Thị Phương Lan (2017), *Sinh kế tộc người trong bối cảnh Việt Nam đương đại*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
3. Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh (2016), *Tổng cục thống kê*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
4. Huỳnh Thị Hồng Nương (2011), *Đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng người Khor-me ở Kiên Giang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
5. Phạm Văn Sơn (2014), *Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc Khor-me ở tỉnh An Giang trong sự nghiệp đổi mới hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM.
6. Ngô Thị Thu Trang, Hồ Thị Kim, Châu Thị Thu Thùy và Ngô Hoàng Đại Long (2016), “Thích ứng sinh kế của người nhập cư Khor-me tại quận ven đô: Điển cứu tại phường Bình Trị Đông B và phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ*, tập 19, Số X2, tr. 89-104.